

Số: 1236/BC-UBTCNS15

Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2023

BÁO CÁO

Thẩm tra về Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

Kính gửi: các vị Đại biểu Quốc hội,

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Ủy ban Tài chính, Ngân sách (TCNS) đã phối hợp với các cơ quan liên quan để thẩm tra Tờ trình số 236/TTr-CP ngày 17/5/2023 của Chính phủ về Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh. Ủy ban TCNS xin báo cáo Quốc hội ý kiến thẩm tra như sau:

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. Về sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Ủy ban TCNS tán thành về sự cần thiết ban hành Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh vì:

Thứ nhất, về căn cứ chính trị: Khoản 2 Mục IV của Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30/12/2022 của Bộ Chính trị (Nghị quyết 31) quy định: “Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo ban hành Nghị quyết của Quốc hội (thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14) để cho phép thí điểm cơ chế, chính sách vượt trội phát triển Thành phố Hồ Chí Minh”.

Thứ 2, về căn cứ pháp lý: Điều 7 của Nghị quyết số 76/2022/QH15 của Quốc hội về kỳ họp thứ 4 (Nghị quyết 76) quy định: “Giao Chính phủ nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, trình Quốc hội xem xét, thông qua Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 trong thời gian sớm nhất”.

Thứ 3, về căn cứ thực tiễn: Qua tổng kết Nghị quyết số 54/2014/QH14 (Nghị quyết 54) cho thấy, nhiều kết quả tích cực được mang lại thông qua thực hiện những chính sách đặc thù¹. Tuy nhiên, các chính sách hiện hành cơ bản chỉ tương tự như các địa phương có cơ chế đặc thù. Phạm vi, quy mô, tính chất của các chính sách còn chùng mực, chưa tạo sức nặng đột phá. Trong khi đó, Thành phố Hồ Chí

¹ Theo Báo cáo tổng kết thi hành Nghị quyết 54, tiến độ triển khai các dự án nhóm A được đẩy nhanh hơn; Huy động nguồn lực từ phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ các tổ chức tài chính để bổ sung nguồn lực cho chi đầu tư phát triển; Chủ động, xem xét chuyên mục đích của các dự án sử dụng đất trồng lúa giúp rút ngắn thời gian thực hiện và đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án; ... và nhiều chính sách khác đã phát huy hiệu quả.

Minh là đô thị đặc biệt quan trọng, với vị thế đầu tàu, trung tâm kinh tế, thương mại, tài chính lớn nhất cả nước, có số người lao động lớn nhất toàn quốc, điều tiết số thu về ngân sách trung ương cao nhất, hiện đang đóng góp khoảng 27%. Vì vậy, việc có chính sách vượt trội tạo bước đột phá theo đúng tinh thần Nghị quyết 31 của Bộ Chính trị là cần thiết, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng không chỉ đối với Thành phố mà cả Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và cả đất nước.

Có ý kiến đề nghị nghiên cứu, xây dựng Luật về phát triển Thành phố Hồ Chí Minh với các chính sách đặc thù, đặc cách, đặc biệt, xứng đáng với vị thế, vai trò, ý nghĩa của thành phố mang tên Bác.

2. Về hồ sơ và thời điểm thông qua Dự thảo Nghị quyết

- *Về hồ sơ Dự thảo*: Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban TCNS cho rằng, Hồ sơ Dự thảo Nghị quyết cơ bản đủ điều kiện trình Quốc hội tại Kỳ họp tháng 5, song **(i)** Phạm vi chính sách được đề xuất là khá rộng, trên nhiều lĩnh vực; **(ii)** Một số chính sách mới, có tác động trực tiếp đến ngân sách nhà nước (NSNN), đến đời sống, xã hội, quan hệ đối ngoại; **(iii)** Chứa đựng nhiều quy định khác với pháp luật hiện hành. Vì vậy, để có căn cứ vững chắc cho việc xem xét, quyết định, đề nghị Báo cáo đánh giá tác động cần cụ thể cả về mặt tích cực và cả những thách thức, tác động không thuận nên triển khai thực hiện; chi tiết hơn về kết quả đầu ra; nhất là đối với các chính sách tác động đến thu chi NSNN, đến nguồn lực bảo đảm thực hiện chính sách.

- *Về thời điểm thông qua*: Nghị quyết 76 quy định: “*Giao Chính phủ nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, trình Quốc hội xem xét, thông qua Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 trong thời gian sớm nhất*”. Vì vậy, đa số ý kiến trong cho rằng, trong trường hợp bảo đảm chất lượng soạn thảo thì có thể trình Quốc hội thông qua tại một kỳ họp là Kỳ họp thứ 5 để bảo đảm tính kịp thời trong triển khai Nghị quyết 31 của Bộ Chính trị và theo đúng yêu cầu của Nghị quyết 76 của Quốc hội.

Một số ý kiến cho rằng, do Dự thảo Nghị quyết có nhiều nội dung chính sách lớn hiện đang được thảo luận và vẫn có thể thay đổi trong Dự thảo Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Đấu thầu..., các luật liên quan đến đất đai này theo kế hoạch đều được thông qua tại Kỳ họp thứ 6. Vì vậy, để bảo đảm các nội dung này được cân nhắc hợp lý, cần trình Quốc hội Dự thảo Nghị quyết tại Kỳ họp thứ 5 và thông qua tại Kỳ họp thứ 6.

3. Về quan điểm, nguyên tắc ban hành Nghị quyết

Ngoài những quan điểm nêu trong Tờ trình, đề nghị việc ban hành Nghị quyết cần lưu ý một số quan điểm và tuân thủ các nguyên tắc cơ bản sau:

(1) Các quy định cần mang tính thiết thực, góp phần tháo gỡ kịp thời những vướng mắc về thể chế, chính sách, pháp luật đã và đang cản trở tiến trình phát triển; cần khơi thông nguồn lực, giải quyết các điểm nghẽn, phát huy tiềm năng, khắc phục sức ỳ trong thực hiện các định hướng phát triển thời gian qua, song

tuyệt đối không lợi dụng việc xây dựng pháp luật để hợp thức hóa những sai phạm; không dùng những quy định mang tính phổ quát để giải quyết những trường hợp cá biệt.

(2) Chính sách mới cần “mang tính đột phá” mạnh mẽ, “vượt trội về chính sách” theo đúng tinh thần Nghị quyết số 24-NQ/TW, Nghị quyết 31 của Bộ Chính trị² và Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội³; song cũng cần khả thi, phù hợp thực tiễn; có trọng tâm, tránh dàn trải. Cơ chế đột phá cần đi đôi với năng lực thực hiện, khả năng quản lý, điều hành, kiểm soát; bảo đảm tính minh bạch, tránh lợi dụng chính sách gây thất thoát, lãng phí.

(3) Phải thực sự mang tính lan tỏa, tác động sâu rộng không chỉ đối với Thành phố mà cần mang lại hiệu ứng tích cực đối với vùng miền và cả đất nước, giảm thiểu tối đa tác động tiêu cực đến NSNN và vai trò chủ đạo của NSTW trong trung và dài hạn, nhất là khi Thành phố Hồ Chí Minh đang giữ vai trò quan trọng trong thu NSNN.

(4) Đi đôi với việc tăng cường phân cấp, phân quyền, cần đề cao trách nhiệm; song cũng rất cần có cơ chế bảo vệ, khuyến khích người nhiệt huyết, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì mục tiêu chung. Hiện nay Bộ Nội vụ được giao xây dựng Đề án triển khai thực hiện Kết luận số 14-KL/TW của Bộ Chính trị về khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung, chọn Thành phố Hồ Chí Minh làm thí điểm.

4. Về phạm vi chính sách: Cơ quan soạn thảo đã phối hợp với chính quyền Thành phố nghiên cứu, xây dựng Dự thảo công phu, tâm huyết, cầu thị, nghiêm túc, thể hiện trên một số khía cạnh sau: (1) Nội dung các quy định trong Dự thảo phù hợp với định hướng phát triển tại Nghị quyết số 24-NQ/TW, Nghị quyết 31 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội. (2) Các chính sách khá toàn diện trên nhiều lĩnh vực, bao gồm 07 nhóm cơ chế, chính sách đặc thù trên các lĩnh vực khác nhau, cụ thể là: (i) Quản lý đầu tư; (ii) Tài chính ngân sách; (iii) Quản lý đô thị và tài nguyên môi trường; (iv) Thu hút nhà đầu tư chiến

² Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30/12/2022 về phương hướng phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 của Bộ Chính trị đã xác định Thành phố Hồ Chí Minh có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng đối với vùng Đông Nam bộ và cả nước, mục tiêu đến năm 2030 là: “Thành phố Hồ Chí Minh trở thành Thành phố văn minh, hiện đại, nghĩa tình, năng động sáng tạo, có nguồn nhân lực chất lượng cao; là Thành phố dịch vụ - công nghiệp hiện đại, đầu tàu về kinh tế số, xã hội số; trung tâm kinh tế, tài chính; thương mại, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ của cả nước, hội nhập quốc tế sâu rộng, có vị thế nổi trội trong khu vực Đông Nam Á” và tầm nhìn đến năm 2045: “Thành phố Hồ Chí Minh phát triển ngang tầm các đô thị lớn trên thế giới, trở thành trung tâm kinh tế, tài chính, dịch vụ của Châu Á; là điểm đến hấp dẫn toàn cầu; kinh tế, văn hóa phát triển đặc sắc, người dân có chất lượng cuộc sống cao; là hạt nhân của vùng Thành phố Hồ Chí Minh và vùng Đông Nam Bộ, cực tăng trưởng của cả nước; nơi thu hút các định chế tài chính và tập đoàn kinh tế quốc tế”.

³ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 9/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể Quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Nghị quyết số 81/2023/QH15), đã xác định: “Xây dựng, phát triển Thành phố Hồ Chí Minh trở thành đô thị năng động, sáng tạo, dẫn dắt và tạo hiệu ứng lan tỏa, liên kết vùng đô thị; đủ sức cạnh tranh, hội nhập khu vực và quốc tế, có vai trò quan trọng trong mạng lưới đô thị của khu vực Đông Nam Á, châu Á”; “Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị hạt nhân, trung tâm phát triển của toàn vùng; chuyển nhanh sang dịch vụ chất lượng cao, trở thành trung tâm tài chính quốc tế có tính cạnh tranh trong khu vực; đi đầu về công nghiệp công nghệ cao, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.... Nghiên cứu khai thác tiềm năng và lợi thế để phát triển khu vực Thủ Đức, Cần Giờ trở thành động lực tăng trưởng mới cho Thành phố Hồ Chí Minh...”.

lược; (v) Quản lý khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; (vi) Tổ chức bộ máy của Thành phố; (vii) Tổ chức bộ máy thành phố Thủ Đức. (3) Dự thảo Nghị quyết bảo đảm tính kế thừa Nghị quyết 54, đồng thời tích hợp một số chính sách mới tương đồng chính sách đặc thù của các tỉnh, thành phố đã được Quốc hội cho phép áp dụng (Khánh Hòa, Nghệ An, Thừa Thiên Huế, Thanh Hóa, Cần Thơ...). Nếu thực hiện thành công thí điểm các chính sách nêu trên sẽ tạo tiền đề quan trọng cho bước phát triển mới.

Để tiếp tục hoàn thiện, Ủy ban TCNS cho rằng, một số vấn đề cần cân nhắc, cụ thể như sau:

Thứ nhất, báo cáo rõ hơn với phạm vi chính sách như trong Dự thảo Nghị quyết thì đã đủ để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về thể chế, chính sách pháp luật, đang cản trở tiến trình phát triển của Thành phố hay chưa? Xét về số lượng chính sách là tương đối rộng. Do vậy, đề nghị có sự lựa chọn, có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải để bảo đảm chính sách thực sự có thể đi vào cuộc sống. Đồng thời, đề nghị lưu ý chỉ đưa vào Nghị quyết những chính sách đã rõ về căn cứ thực tiễn, rõ về nội hàm, không quy định vấn đề chưa rõ, tránh vướng mắc trong triển khai.

Thứ hai, cần chú trọng hơn những chính sách thực sự đột phá, tạo bước chuyển mới trong huy động sức mạnh tổng hợp, khai thác hiệu quả về tiềm năng, lợi thế, vị trí chiến lược, thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững theo đúng chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Nghị quyết 31⁴. Tại Dự thảo đã có một số chính sách được coi là đột phá như đề xuất thí điểm mô hình phát triển đô thị theo định hướng phát triển giao thông (TOD). Cơ chế này sẽ tạo nguồn lực xã hội cho phát triển, giảm chi ngân sách song cũng chỉ ở quy mô hẹp. Vì vậy, đề nghị nghiên cứu để có bước thực sự đột phá, thể hiện đúng tinh thần chỉ đạo của Bộ Chính trị, tránh nhiều về số lượng chính sách nhưng hạn chế về sức nặng, tính sáng tạo; một số quy định còn dập khuôn như các địa phương khác (chuyển đổi đất trồng lúa, quy hoạch, thu hút nhà đầu tư chiến lược...), trong khi đó, có thể nghiên cứu trên nền các chính sách này để vận dụng theo hướng đột phá hơn, mạnh mẽ tương xứng với quy mô, vị thế của Thành phố.

Thứ ba, về tính bao quát, hợp lý của chính sách, Dự thảo tập trung nhiều vào chính sách chi ngân sách, trong khi các chính sách thu ngân sách (thuế, phí...), khai thác nguồn lực còn hẹp, trong điều kiện Thành phố lại có đặc thù, tiềm năng, lợi thế rất lớn trong việc khai thác nguồn thu. Vì vậy, về lâu dài, đề nghị nghiên cứu, có chính sách thu đặc thù hợp lý, khả thi, bảo đảm góp phần cân đối nguồn lực cho những chính sách chi ngân sách. Ngoài ra, Cơ quan soạn thảo cần phối hợp với chính quyền Thành phố rà soát để bảo đảm tính bao quát cần thiết. Qua giám sát tối cao chuyên đề thực hành tiết kiệm chống lãng phí cho thấy, hiện trên

⁴ Theo Nghị quyết 31 của Bộ Chính trị, đến năm 2030: “Thành phố Hồ Chí Minh phải trở thành Thành phố văn minh, hiện đại, nghĩa tình, năng động sáng tạo... Thành phố dịch vụ - công nghiệp hiện đại, đầu tàu về kinh tế số, xã hội số; trung tâm kinh tế, tài chính; thương mại, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ của cả nước, hội nhập quốc tế sâu rộng, có vị thế nổi trội trong khu vực Đông Nam Á” và đến năm 2045: “là điểm đến hấp dẫn toàn cầu; kinh tế, văn hóa phát triển đặc sắc, người dân có chất lượng cuộc sống cao”.

địa bàn còn nhiều dự án chậm triển khai qua nhiều nhiệm kỳ do vướng về cơ chế, chính sách, pháp luật gây lãng phí nguồn lực đất đai rất lớn như: Dự án Bình Quới Thanh Đa, Dự án Nam Thành phố... Vì vậy, đề nghị rà soát, cùng với việc thí điểm cơ chế đặc thù cần đề xuất sửa đổi những quy định còn gây vướng mắc, tạo căn cứ pháp lý khơi thông nguồn lực.

Thứ tư, đề nghị rà soát lại các chính sách có tác động trực tiếp đến NSTW như các đề xuất miễn, giảm thuế để phù hợp với bối cảnh hiện nay, nhất là khi chuẩn bị áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu. Mặc dù rất cần có cơ chế ưu đãi so với các địa phương khác, cần thu hút nhân tài và lao động chất lượng cao theo đúng Nghị quyết 31, song tránh tạo khoảng cách, chênh lệch quá lớn về thu nhập, chế độ, tiêu chuẩn giữa người lao động của Thành phố với các địa phương khác.

Thứ năm, Dự thảo quy định theo hướng phân cấp, phân quyền mạnh mẽ; nhiều quyền hạn được giao cho các tổ chức cá nhân. Để bảo đảm khả thi, thuận lợi trong triển khai thực hiện, đề nghị rà soát, quy định rõ về chế độ trách nhiệm, bảo đảm đúng nguyên tắc quyền hạn đi đôi với trách nhiệm.

Thứ sáu, về mối quan hệ với các luật liên quan cũng cần được rà soát, bảo đảm tính khả thi, hợp lý. Tờ trình có đề xuất một số chính sách mới và lý giải để tương thích với các luật đang sửa đổi như: Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản... Hiện nay nhiều nội dung ở các dự thảo này còn ý kiến khác nhau. Vì vậy, đề nghị bám sát vì: Cho dù Nghị quyết này hoàn toàn có thể quy định khác với các luật đó, song vẫn phải bảo đảm khả thi, hợp lý.

Thứ bảy, về điều kiện bảo đảm triển khai. Dự thảo quy định theo hướng tăng cường phân cấp và ủy quyền. Nhiều nhiệm vụ được giao cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố; phân cấp cho nhiều cấp. Để triển khai các quy định này cần khá nhiều văn bản hướng dẫn thi hành về quy trình, thủ tục... Vì vậy, đề nghị: **(1)** Quy định rõ trong điều khoản thi hành những công việc cần triển khai; giao trách nhiệm cụ thể; tránh tình trạng ban hành xong Nghị quyết nhưng không thể vận hành do các tổ chức, cá nhân, các cấp, các ngành không rõ căn cứ triển khai. **(2)** Về cơ chế ủy quyền, đề nghị bảo đảm đúng nguyên tắc ủy quyền. **(3)** Bổ sung quy định về tăng cường giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện.

Thứ tám, về thẩm quyền quyết định, Dự thảo Nghị quyết quy định một số vấn đề không thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội. Vì vậy đề nghị không quy định những quy định này (như thẩm quyền quyết định bầu, tuyển dụng, quản lý, sử dụng cán bộ, công chức làm việc tại xã, thị trấn và cán bộ phường...).

Thứ chín, để bảo đảm đúng mục tiêu thí điểm, Tờ trình của Chính phủ cần làm rõ giá trị nhân rộng mô hình sau thời gian thí điểm theo quy định, theo đó các tỉnh thành khác như: Hà Nội, Đà Nẵng, Hải Phòng... có thể học tập, nhân rộng.

II. VỀ CÁC NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Dự thảo Nghị quyết có 02 nhóm chính sách với tổng cộng 44 nội dung cụ thể, gồm:

(1) Các chính sách đã được quy định tại Nghị quyết 54 và các Nghị quyết cơ chế đặc thù đã được áp dụng các địa phương khác hoặc đang quy định tại các dự thảo Luật trình Quốc hội;

(2) Các chính sách mới lần đầu tiên được quy định tại Dự thảo Nghị quyết với 04 nhóm vấn đề gồm: (i) đầu tư; (ii) tài chính - ngân sách; (iii) quản lý đất đai, quy hoạch; (iv) tổ chức bộ máy.

1. Về nhóm nội dung kế thừa quy định tại Nghị quyết 54; kế thừa các quy định tại các Nghị quyết về cơ chế đặc thù đang áp dụng cho các địa phương khác; tương tự quy định tại các dự thảo Luật trình Quốc hội

Về cơ bản, Ủy ban TCNS nhất trí với những chính sách được đánh giá là hiệu quả và cần tiếp tục kế thừa tại Nghị quyết 54. Tuy nhiên, cho dù là các chính sách đã được quy định tại Nghị quyết 54, song qua tổng kết 05 năm triển khai cho thấy, không phải tất cả các chính sách đều hiệu quả và đi vào cuộc sống (cụ thể như: ưu đãi đầu tư, về thuế, phí...). Vì vậy, đề nghị rà soát từng chính sách thuộc nhóm này, theo đó cần phân tích tính phù hợp với đặc thù của Thành phố, đã phát huy tác dụng ở mức độ nào, có thật sự cần thiết áp dụng tiếp hay không để có căn cứ thuyết phục trình Quốc hội cho phép tiếp tục áp dụng và nhân rộng.

1.1. Các nội dung kế thừa nguyên văn quy định tại Nghị quyết 54

Dự thảo Nghị quyết có 03 chính sách kế thừa nguyên văn quy định tại Nghị quyết 54 gồm:

a. Khoản 1 Điều 5 của Dự thảo Nghị quyết về quyết định áp dụng chính sách về phí, lệ phí quy định cho phép HĐND Thành phố được quyết định áp dụng trên địa bàn Thành phố điều chỉnh mức hoặc tỷ lệ và loại phí, lệ phí được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí và được hưởng 100% số thu tăng thêm, không tính vào tỷ lệ điều tiết.

Đa số ý kiến tán thành với Dự thảo nhằm tạo căn cứ cho việc khai thác nguồn thu, tăng cường nguồn lực cho phát triển, đồng thời cũng phù hợp với lợi thế của Thành phố.

Có ý kiến cho rằng, qua 05 năm thực hiện Nghị quyết 54, Thành phố chưa ban hành loại phí, lệ phí ngoài danh mục phí, lệ phí mà mới chỉ điều chỉnh mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp. Do vậy, đề nghị không quy định nội dung này.

b. Khoản 2 Điều 5 của Dự thảo Nghị quyết quy định về việc cho phép HĐND Thành phố được quyết định dự toán, phân bổ ngân sách Thành phố bảo đảm phù hợp với các định hướng cơ cấu lại ngân sách, phát triển kinh tế - xã hội và các lĩnh vực quan trọng theo quy định của Quốc hội và Chính phủ trên cơ sở dự toán ngân sách nhà nước hằng năm đã được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao và căn cứ vào tình hình thực tế của Thành phố.

c. Khoản 3 Điều 5 của Dự thảo Nghị quyết quy định về sử dụng nguồn cải

cách tiền lương.

Ủy ban TCNS nhất trí với các quy định này vì đây là các quy định kế thừa Nghị quyết 54, đang được triển khai hiệu quả.

1.2. Những chính sách kế thừa Nghị quyết 54 và có sửa đổi, bổ sung

a. Về tài chính, ngân sách (Điều 5)

(1). Về cho phép Thành phố được vay với tổng mức dư nợ vay không quá 120% số thu được hưởng theo phân cấp (khoản 4)

Đa số ý kiến nhất trí với đề xuất và căn cứ nêu trong Tờ trình vì nhu cầu vay vốn để triển khai các dự án đến năm 2030 của Thành phố là rất lớn, trong khi theo tính toán, từ sau năm 2026, Thành phố không còn bảo đảm hạn mức dư nợ vay để vay tiếp. Do vậy, để tạo thêm dư địa, nguồn lực cho Thành phố thì việc quy định nâng trần mức vay cho như Dự thảo Nghị quyết là cần thiết.

Có ý kiến cho rằng, theo Nghị quyết 54, Thành phố được vay không quá 90% số thu được hưởng, song giai đoạn vừa qua, Thành phố chỉ thực hiện 31,9% mức dư nợ cho phép. Do vậy, đề nghị giữ tỷ lệ vay không quá 90% số thu được hưởng theo phân cấp.

(2). Về bổ sung có mục tiêu tương ứng 70% số tăng thu ngân sách trung ương từ các khoản thu phân chia và từ một số khoản thu NSTW hưởng 100% (khoản 5)

Ủy ban TCNS nhất trí với quy định tại Dự thảo Nghị quyết vì: (i) quy định này kế thừa quy định tại Nghị quyết 54, chỉ thay đổi về quy trình; (ii) để có thêm động lực trong việc hành thu và thêm nguồn lực giúp Thành phố phát triển; (iii) tương đồng với chính sách đã được Quốc hội cho phép áp dụng thí điểm tại một số địa phương.

b. Về tổ chức bộ máy của Thành phố (Điều 9)

(1). Về chi thu nhập tăng thêm (điểm b, điểm c khoản 5)

Ủy ban TCNS nhận thấy quy định này là kế thừa quy định tại Nghị quyết 54 và cũng đã được Quốc hội cho phép tiếp tục thực hiện tại Nghị quyết 76. Ngoài ra, Nghị quyết 31 có nêu: “có cơ chế, chính sách vượt trội thu hút nhân tài, chuyên gia, nhà khoa học”. Do vậy, cơ bản tán thành về chi thu nhập tăng thêm theo đúng Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 25/01/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Để không tạo khác biệt quá lớn giữa cùng đối tượng tại địa bàn khác nhau, đề nghị cân nhắc mức độ ưu đãi khi thực hiện.

(2). Về quyết định chuyển một số chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của UBND Thành phố cho các cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác thuộc UBND Thành phố, UBND quận, huyện, thành phố Thủ Đức (điểm b khoản 6)

Đa số ý kiến nhất trí với quy định trên để đẩy mạnh phân cấp, phù hợp với tình hình thực tiễn của Thành phố và cũng đã có trong Nghị quyết 54. Có ý kiến

đề nghị không quy định nội dung này tại Dự thảo Nghị quyết.

1.3. Những chính sách có nội dung tương tự đã được quy định tại các Nghị quyết đặc thù của các địa phương khác

a. Về tài chính, ngân sách (Điều 5)

Về đề xuất sử dụng ngân sách Thành phố để thực hiện dự án giao thông đường bộ có tính chất vùng, liên vùng nằm trên ranh giới, địa giới hành chính giữa Thành phố và địa phương khác, các dự án quốc lộ, cao tốc đi qua địa bàn Thành phố; hỗ trợ các địa phương khác trong nước, hỗ trợ một số địa phương tại một số nước khác trong các trường hợp cần thiết (khoản 7 Điều 5)

Đa số ý kiến nhất trí với Dự thảo vì: **(i)** Quy định trên thể hiện tinh thần Nghị quyết 31: “*Thành phố Hồ Chí Minh trở thành Thành phố văn minh, hiện đại, **nghĩa tình***”, đặc biệt, vì Thành phố đã và đang giữ vai trò là đầu tàu kinh tế, có trách nhiệm với cả Vùng Đông Nam bộ và cả nước; **(ii)** Với nguồn lực lớn, việc cho phép sử dụng ngân sách Thành phố để thực hiện dự án, công trình giao thông đường bộ có tính chất vùng, liên vùng nằm trên ranh giới, địa giới hành chính của Thành phố là cần thiết, khả thi. **(iii)** Góp phần có thêm nguồn lực giúp các địa phương khó khăn; khẳng định tính nhân văn của Việt Nam nói chung và Thành phố nói riêng trong quan hệ quốc tế. **(iv)** tại Nghị quyết số 38/2021/QH15, Quốc hội cũng đã cho phép các địa phương được sử dụng ngân sách để hỗ trợ cho Quỹ bảo tồn di sản Huế; Hà Nội cũng đã và đang được áp dụng cơ chế hỗ trợ các địa phương khác từ nguồn ngân sách Thành phố. Có ý kiến cho rằng, với các dự án có tính chất liên vùng, trách nhiệm thực hiện là của Trung ương, vì vậy, đề nghị thực hiện đúng quy định pháp luật.

b. Về quản lý đô thị và tài nguyên môi trường (Điều 6)

(1). Về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 500 ha (khoản 1 Điều 6)⁵

Đa số ý kiến cơ bản nhất trí với đề xuất này vì cũng tương tự như quy định đối với một số địa phương vừa được Quốc hội cho phép thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù. Đề chính sách phát huy tối đa tác dụng, không làm ảnh hưởng lớn đến người dân, đề nghị: **(i)** Trong tổ chức thực hiện cần đề cao trách nhiệm, bảo đảm chặt chẽ, tránh xảy ra sai phạm liên quan đến đất đai, ảnh hưởng đến đời sống người dân và uy tín của các cấp chính quyền; **(ii)** Đề nghị Chính phủ rà soát, kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa trên phạm vi toàn quốc, tránh tình trạng diện tích ngày càng thu hẹp khi cho phép nhiều địa phương áp dụng chính sách chuyển đổi này.

Có ý kiến đề nghị không áp dụng chính sách trên vì Thành phố Hồ Chí Minh khác với nhiều địa phương khác, diện tích đất trồng lúa của Thành phố là không nhiều. Vì vậy, đề nghị giải trình rõ tác động khi thay đổi chính sách cho phép

⁵ Dự thảo Nghị quyết quy định HĐND Thành phố có thẩm quyền quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 500 ha theo trình tự, thủ tục do HĐND Thành phố quy định.

chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa từ mức 10 ha theo Nghị quyết 54 hiện nay sang mức 500 ha. Mặt khác, việc cho áp dụng rộng rãi chính sách này sẽ dẫn đến tình trạng diện tích ngày càng thu hẹp, ảnh hưởng đáng kể đến diện tích đất trồng lúa tại Thành phố Hồ Chí Minh.

(2). Về quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị (điểm a khoản 2 Điều 6)

Điểm a khoản 2 Điều 6 Dự thảo Nghị quyết quy định việc phân cấp cho UBND Thành phố thực hiện phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật; quy định cụ thể các điều kiện về lợi ích quốc gia, lợi ích cộng đồng khi điều chỉnh quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị.

Đa số ý kiến nhất trí với quy định tại Dự thảo Nghị quyết về điều chỉnh quy hoạch nhằm tạo chủ động cho Thành phố và chính sách này cũng tương đồng như các địa phương đã được cho phép thí điểm (Nghệ An, Thanh Hóa, Khánh Hòa, thành phố Hải Phòng). Để làm rõ căn cứ, thuận lợi trong triển khai thực hiện, đề nghị nghiên cứu, quy định rõ khái niệm “*lợi ích quốc gia, công cộng*” trong Dự thảo Nghị quyết.

Có ý kiến cho rằng, Thành phố Hồ Chí Minh có vai trò, vị trí đặc biệt nên việc điều chỉnh quy hoạch cần được cân nhắc cẩn trọng. Do vậy, đề nghị không quy định nội dung này tại Dự thảo Nghị quyết.

(3). Về trình tự thực hiện chuẩn bị thu hồi đất của một số dự án tại Thành phố (khoản 12 Điều 6)

Đa số ý kiến cho rằng: (i) quy định như Dự thảo Nghị quyết thực chất là điều chỉnh quy trình, cho phép tiến hành đo đạc, kiểm đếm ngay sau khi chủ trương đầu tư thực hiện dự án được phê duyệt. Đặc biệt, đối với những dự án lớn, trọng điểm, cấp bách cần hoàn thành sớm công tác thu hồi đất vì lợi ích quốc gia, công cộng. (ii) tỉnh Khánh Hòa cũng đã được Quốc hội cho phép áp dụng quy định tương tự. Do vậy, để đẩy nhanh tiến độ thu hồi đất, đẩy nhanh tiến độ dự án, Ủy ban TCNS nhất trí với Dự thảo Nghị quyết.

Có ý kiến cho rằng, quy trình thu hồi đất cần được thực hiện theo quy định pháp luật chung. Do vậy, không nhất trí với đề xuất này.

c. Về ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Thành phố Hồ Chí Minh (Điều 7)

(1). Về chủ trương

Ủy ban TCNS cho rằng chủ trương thu hút các nhà đầu tư chiến lược vào Thành phố là cần thiết nhằm: (i) thể chế hóa Nghị quyết 31-NQ/TW; (ii) tạo động lực để Thành phố phát triển nhanh, bền vững; (iii) Mặt khác, một số quy định tương đồng đã được Quốc hội cho phép áp dụng tại tỉnh Khánh Hòa.

Qua nghiên cứu Dự thảo, Ủy ban TCNS nhận thấy: (i) đối tượng thu hút là

các dự án quy mô vốn trung bình; (ii) lĩnh vực, phạm vi ưu tiên thu hút rộng; (iii) điều kiện cần đáp ứng khá đơn giản; (iv) số lượng doanh nghiệp, dự án tại Thành phố là rất lớn, dẫn đến việc áp dụng ưu đãi có thể tác động đến NSNN⁶. Mặt khác, Thành phố có đặc thù riêng, giữ vai trò quan trọng trong bảo đảm vai trò chủ đạo của NSTW, việc giảm thu từ Thành phố khác với giảm thu từ tỉnh Khánh Hòa (đang được áp dụng mức ưu đãi tương tự). Do vậy, đề nghị Cơ quan soạn thảo đánh giá tác động thận trọng, đặc biệt tác động đối với NSNN, đưa ra dự ước cụ thể để làm căn cứ trình Quốc hội xem xét, quyết định.

Có ý kiến cho rằng, các ưu đãi như tỉnh Khánh Hòa thực chất chỉ là thuận lợi về thủ tục, không làm giảm thu. Về cơ bản, chính sách ưu đãi đưa ra sẽ không phát huy được nhiều tác dụng. Ngoài ra, nội dung quy định về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư là chưa thực sự phù hợp với các lĩnh vực thu hút đầu tư. Đề nghị giải trình rõ quy định này là để áp dụng cho trường hợp nào.

(2). Về danh mục ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Thành phố (khoản 1 Điều 7)

Ủy ban TCNS nhận thấy, khoản 1 Điều 7 quy định Danh mục ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Thành phố có phạm vi, lĩnh vực, ngành nghề khá rộng⁷, quy mô vốn đầu tư ở mức trung bình tương ứng với từng loại hình. Điều này dẫn đến phạm vi ưu đãi là khá rộng. Do vậy, đề nghị rà soát, thu hẹp danh mục ngành nghề ưu đãi tại khoản này.

(3). Về điều kiện trở thành nhà đầu tư chiến lược (khoản 3, khoản 4 Điều 7)

Ủy ban TCNS đề nghị làm rõ cơ sở, cách thức xác định tiêu chí về tổng tài sản 25.000 tỷ đồng trở lên đối với điều kiện về năng lực tài chính tại điểm b khoản 3 Điều 7 Dự thảo Nghị quyết, vì hiện nay chưa có văn bản hướng dẫn một cách rõ ràng việc định giá tài sản đầu tư.

(4). Về các ưu đãi đối với nhà đầu tư chiến lược (khoản 8 Điều 7)

Nhiều ý kiến trong Ủy ban TCNS tán thành với các ưu đãi đối với nhà đầu tư chiến lược tại Thành phố vì chính sách tính chi phí được trừ và ưu tiên về thủ tục hải quan và thuế là tương đồng như chính sách đã được Quốc hội cho phép thí điểm tại tỉnh Khánh Hòa. Để làm rõ cơ sở pháp lý, sự tác động ngân sách, tính

⁶ Nhà đầu tư chiến lược “Được hỗ trợ một phần chi phí của dự án đầu tư từ nguồn chi thường xuyên của ngân sách Thành phố”; “Được tính vào chi phí được trừ để xác định thu nhập chịu thuế đối với hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) bằng 150% chi phí thực tế”.

⁷ **Điều 7. Về ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Thành phố Hồ Chí Minh**

1. Danh mục ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Thành phố:

a) Đầu tư xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D); đầu tư nghiên cứu và hỗ trợ chuyển giao công nghệ cao trong lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ tự động hóa, công nghệ vật liệu mới, năng lượng sạch có quy mô vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng trở lên;

b) Đầu tư dự án trong lĩnh vực công nghiệp mạch tích hợp bán dẫn, công nghệ thiết kế, chế tạo linh kiện, vi mạch điện tử tích hợp (IC), điện tử linh hoạt (PE), chip, pin công nghệ mới, vật liệu mới, công nghiệp năng lượng sạch có quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên;

c) Đầu tư dự án xây dựng Cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ theo quy hoạch có quy mô vốn đầu tư từ 50.000 tỷ đồng trở lên.

công khai, minh bạch, công bằng, đề nghị làm rõ căn cứ đối với chính sách “*hỗ trợ một phần chi phí của dự án đầu tư từ nguồn chi thường xuyên của ngân sách Thành phố*”.

Có ý kiến cho rằng, quy định này sẽ tạo ra sự phân biệt đối xử giữa Nhà đầu tư chiến lược và các nhà đầu tư khác và làm giảm thu ngân sách, do đó không nên quy định.

(5). *Về việc xử lý khi nhà đầu tư không thực hiện đúng cam kết (khoản 10 Điều 7)*

Khoản 10 Điều 7 của Dự thảo Nghị quyết quy định: “*Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, trường hợp nhà đầu tư chiến lược không đáp ứng điều kiện về vốn, tiến độ giải ngân và các điều kiện khác đối với nhà đầu tư chiến lược thì không được hưởng ưu đãi quy định tại Nghị quyết này. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm về các hậu quả phát sinh do không thực hiện đúng cam kết của mình theo quy định của pháp luật*”.

Các ý kiến cho rằng, quy định này còn chung chung, chưa mang tính ràng buộc. Do vậy, đề nghị: (i) nghiên cứu bổ sung quy định về chế tài xử lý trong trường hợp nhà đầu tư chiến lược không bảo đảm các điều kiện về vốn, tiến độ giải ngân và các điều kiện khác của nhà đầu tư chiến lược; (ii) Dự thảo Nghị quyết cần quy định rõ nội hàm “*chịu trách nhiệm về các hậu quả phát sinh do không thực hiện đúng cam kết của mình*” trong điều khoản trên để bảo đảm tính minh bạch, đủ căn cứ thực hiện; (iii) bổ sung quy định, trường hợp nhà đầu tư nếu không thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai và các quy định pháp luật khác có liên quan thì sẽ phải xử lý theo quy định của pháp luật.

d. Về quản lý khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo (Điều 8)

Về chính sách tiền lương, tiền công, chế độ phúc lợi và các chính sách ưu đãi đối với các chức danh lãnh đạo trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập (khoản 2 Điều 8): Dự thảo Nghị quyết quy định HĐND Thành phố quy định tiêu chí, đối tượng, điều kiện được hưởng ưu đãi về thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tiền lương, tiền công, chế độ phúc lợi và các chính sách ưu đãi khác đối với các chức danh lãnh đạo trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập. Đa số ý kiến tán thành với quy định này nhằm thực hiện định hướng tại Nghị quyết 31 của Bộ Chính trị.

e. Về tổ chức, bộ máy của Thành phố (Điều 9)

Về quyền hạn của Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (khoản 7)⁸: Theo quy định hiện hành, việc phê duyệt, điều chỉnh nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500, thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo

⁸ Theo quy định hiện hành, việc phê duyệt, điều chỉnh nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500, thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp, cấp đổi, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của UBND Thành phố và UBND cấp huyện.

đánh giá tác động môi trường, cấp, cấp đổi, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của UBND Thành phố và UBND cấp huyện.

Đa số ý kiến nhất trí với quy định này để hoàn thiện cơ chế “một cửa tại chỗ”, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động trong khu chế xuất, khu công nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính. Quy định này cơ bản như áp dụng cho tỉnh Khánh Hòa. Để bảo đảm chặt chẽ, đề nghị bổ sung quy định về chế độ trách nhiệm trước pháp luật của Ban quản lý đối với thực hiện thẩm quyền được giao.

Một số ý kiến cho rằng, quy định như Dự thảo Nghị quyết có thể khó thực hiện do năng lực của các Ban Quản lý khó đáp ứng về chuyên môn.

1.4. Những chính sách đang được quy định tại các dự thảo Luật trình Quốc hội

Về quản lý đô thị và tài nguyên môi trường (Điều 6)

(1). Về hệ số điều chỉnh giá đất (Hệ số K)

Khoản 4 Điều 6 Dự thảo quy định UBND Thành phố xây dựng và ban hành hệ số điều chỉnh giá đất phù hợp với tình hình thực tiễn.

Điều 113 Luật Đất đai quy định Chính phủ ban hành khung giá đất định kỳ 05 năm một lần, tuy nhiên thực tiễn cho thấy khung giá đất không theo kịp biến động thị trường. Do đó, Luật Đất đai đang sửa đổi đã quy định chính sách này (khoản 3 Điều 155 Dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) đính kèm Tờ trình số 473/TTr-CP ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ).

Đa số ý kiến tán thành quy định trên vì: **(i)** Chính sách này phù hợp với chính sách được đề xuất tại khoản 3 Điều 155 Dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) đính kèm Tờ trình số 473/TTr-CP ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ; **(ii)** Quy định cho phép áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất vừa phù hợp tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đó là đưa giá đất về gần với giá thị trường, bảo đảm lợi ích người dân; góp phần giải quyết các vướng mắc thực tiễn đặt ra, hạn chế việc khiếu nại liên quan đến giá đất. Để bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng, khách quan, hài hòa lợi ích Nhà nước, người dân, doanh nghiệp, đề nghị bổ sung quy định về chế độ trách nhiệm trong ban hành hệ số điều chỉnh giá đất.

Có ý kiến cho rằng, việc ban hành hệ số điều chỉnh giá đất không phản ánh đúng tiền thuế người dân phải nộp. Do vậy, đề nghị không quy định nội dung này.

(2). Về nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất (khoản 5 Điều 6)

Khoản 5 Điều 6 Dự thảo Nghị quyết quy định về nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất. Đa số ý kiến cho rằng, để đẩy nhanh tiến độ bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất, Thành phố cần có cơ chế đặc thù để thực hiện; đồng thời phù hợp với Điều 89 của Dự thảo Luật đất đai kèm theo Tờ trình số 473 ngày 01/5/2022 của Chính phủ. Do vậy, nhất trí với quy định tại Dự thảo Nghị quyết.

Có ý kiến cho rằng, để bảo đảm tính thống nhất trong áp dụng pháp luật trên phạm vi cả nước, tránh sự không công bằng, do đó đề nghị thực hiện theo quy định pháp luật về đất đai. Trường hợp thật cần thiết có đặc thù thì cần bóc tách, quy định rõ yếu tố đặc thù, căn cứ đề xuất để trình Quốc hội, tránh quy định trùng lặp.

(3). Về cho phép các tổ chức kinh tế được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm, mà tiền thuê đất không có nguồn gốc từ NSNN thì có quyền thế chấp, chuyển nhượng hoặc cho thuê quyền thuê trong hợp đồng thuê đất (khoản 6 Điều 6)

Dự thảo Nghị quyết quy định Thành phố được quyền cho phép các tổ chức kinh tế được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm, mà tiền thuê đất không có nguồn gốc từ NSNN thì có quyền thế chấp, chuyển nhượng hoặc cho thuê quyền thuê trong hợp đồng thuê đất.

Đa số ý kiến cho rằng, quy định như Dự thảo Nghị quyết phù hợp với quy định tại Dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) đang trình Quốc hội xem xét, quyết định⁹; đồng thời tạo cơ chế linh hoạt cho các tổ chức kinh tế được Nhà nước cho thuê đất khai thác nguồn lực theo quy định của pháp luật. Vì vậy, nhất trí với quy định như Dự thảo Nghị quyết.

Có ý kiến chưa nhất trí với nội dung này vì: **(i)** Trụ sở, đất đai thuộc sở hữu của Nhà nước là tài sản công, về nguyên tắc, chỉ chủ sở hữu mới có quyền thế chấp, chuyển nhượng; **(ii)** Trường hợp cần thiết, các tổ chức kinh tế có thể đề nghị Thành phố chuyển quyền sử dụng đất cho mình để thực hiện các quyền theo quy định pháp luật; **(iii)** Việc cho phép cầm cố, thế chấp, chuyển nhượng, cho thuê quyền thuê trong hợp đồng thuê đất có thể gây thất thoát tài sản của Nhà nước, tạo kẽ hở trong triển khai thực hiện, tiềm ẩn nhiều yếu tố xảy ra vi phạm quy định pháp luật.

(4). Về thanh toán hợp đồng BT (khoản 7 Điều 6)

Luật Đất đai 2013 chưa quy định về trình tự, thủ tục Nhà nước được thực hiện thu hồi đất đối với sắp xếp lại, xử lý tài sản công; do đó không thể dùng quỹ đất này để thanh toán cho nhà đầu tư BT theo hợp đồng đã ký. Nay Dự thảo quy định quy trình, thủ tục thu hồi đất.

Đa số ý kiến cho rằng: **(i)** thời gian vừa qua, nhiều dự án BT đang gặp nhiều khó khăn về hình thức thanh toán, một số dự án đã được Thành phố ký theo hình thức BT nhưng hiện đang tồn đọng do thiếu căn cứ, vì vậy cần có căn cứ pháp lý để xử lý vấn đề này; **(ii)** khoản 5 Điều 101 Luật PPP đã quy định về chuyển tiếp thực hiện hợp đồng BT, tuy nhiên việc thực hiện còn vướng mắc do quy định pháp luật liên quan chưa rõ ràng; **(iii)** Nghị quyết 31 cũng quy định “*Cho thực hiện cơ chế cần thiết để xử lý những dự án đầu tư, những công trình tồn đọng nhiều năm do vướng mắc về cơ chế, thủ tục*”; **(iv)** Điều 78, Điều 116, Điều 198 Dự thảo Luật

⁹ Điều 35 Dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi)

Đất đai (sửa đổi) đính kèm Tờ trình số 473/TTr-CP ngày 05/12/2022 của Chính phủ cũng đã quy định trình tự này. Do đó, nhất trí với quy định như Dự thảo.

Có ý kiến đề nghị không quy định nội dung này. Có ý kiến đề nghị đánh giá kỹ tác động với đề xuất thực hiện dự án theo hình thức BT và trả bằng tiền.

(5). Về thực hiện thủ tục về giao đất, thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai đối với diện tích đất hình thành sau khi thực hiện lấn biển (khoản 8 Điều 6)

Các ý kiến cho rằng: **(i)** Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã đặt ra nhiệm vụ, giải pháp về xây dựng quy định pháp luật, trong đó cần có quy định chế độ sử dụng đất hình thành từ hoạt động lấn biển; **(ii)** hiện nay theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 103 Dự thảo Luật Đất đai sửa đổi cũng quy định đất được tạo lập từ việc thực hiện dự án lấn biển đầu tư bằng nguồn vốn của Nhà nước được đưa vào tạo quỹ phát triển đất; **(iii)** quy định như Dự thảo Nghị quyết phù hợp với quy định tại Dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi). Do vậy, nhất trí với quy định tại Dự thảo Nghị quyết.

(6). Về gia hạn quyền sử dụng đất nông nghiệp (khoản 9 Điều 6)

Theo Tờ trình của Chính phủ, hiện nay đang có tình trạng vướng mắc trong việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện dự án nhưng chưa hoàn thành việc chuyển mục đích sử dụng đất do hết thời hạn giao đất nông nghiệp. Đa số ý kiến cho rằng, để bảo đảm cơ sở pháp lý, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và tránh lãng phí đất đai trong thời gian quy hoạch chưa được thực hiện, việc quy định như Dự thảo Nghị quyết là cần thiết và phù hợp với thực tiễn. Dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) cũng đã bổ sung nội dung này nhằm giải quyết vướng mắc thực tiễn. Do vậy, nhất trí với Dự thảo Nghị quyết.

Một số ý kiến cho rằng, nếu cho phép thí điểm gia hạn như Dự thảo Luật thì khi kết thúc thí điểm sẽ không thể thu hồi lại thời hạn, gây hệ lụy rất lớn, tác động đến đối tượng có quyền sử dụng đất rất lớn. Vì vậy, đề nghị cân nhắc lại tính hợp lý của quy định trên, đồng thời cần bám sát việc sửa đổi nội dung này tại Dự thảo Luật đất đai (sửa đổi) để có quy định tương thích như Tờ trình đề xuất.

Có ý kiến cho rằng, đây là vấn đề lớn, lâu dài, liên quan đến lợi ích của Nhà nước và người dân có quyền sử dụng đất nông nghiệp. Do đó, đề nghị rà soát để bảo đảm thống nhất với Luật Đất đai.

Có ý kiến cho rằng, Dự thảo Luật Đất đai sửa đổi đã bổ sung quy định nhằm giải quyết vấn đề này. Do vậy, đề nghị không quy định tại Dự thảo Nghị quyết.

2. Về những chính sách mới

2.1. Về quản lý đầu tư (Điều 4)

a. Về phân bổ và bố trí vốn đầu tư công (khoản 1 Điều 4)

- Về sử dụng nguồn tăng thu NSĐP để bổ sung kế hoạch đầu tư công¹⁰: Điểm a, khoản 1 Điều 4 của Dự thảo Nghị quyết quy định: *Sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án trong tổng số vốn đầu tư công trung hạn ngân sách địa phương đã được Quốc hội quyết định, trường hợp Thành phố dự kiến có nguồn thu để bố trí tăng chi đầu tư phát triển, Hội đồng nhân dân Thành phố được phân bổ vốn cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đối tượng đầu tư công khác và bổ sung vào kế hoạch đầu tư công trung hạn số vốn tăng thêm. Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo cấp có thẩm quyền vào năm cuối kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn.*

Đa số ý kiến cho rằng, thực chất nội dung này đã được quy định tại Luật NSNN, Luật Đầu tư công và thẩm quyền quyết định thuộc HĐND Thành phố. Nếu quy định như Dự thảo sẽ dẫn đến sự khác nhau rất lớn về nhận thức, cách hiểu quy định pháp luật về NSNN, Luật đầu tư công giữa Thành phố Hồ Chí Minh và 62 địa phương khác trên cả nước. Do đó, để tránh cách hiểu khác nhau, thống nhất trong nhận thức pháp luật, đề nghị không quy định nội dung này tại Dự thảo Nghị quyết.

Một số ý kiến cho rằng, quy định của Dự thảo Nghị quyết là cần thiết, nhằm tạo cơ chế rõ ràng, rút ngắn quy trình bổ sung dự án mới vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn, theo đó, HĐND Thành phố có thể chủ động quyết định mà không cần phải báo cáo và được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền trước khi bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn các dự án sử dụng nguồn tăng thu ngân sách Thành phố. Vì vậy, để tạo linh hoạt, chủ động, góp phần đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án, nhất trí với quy định như Dự thảo Nghị quyết. Đồng thời, để bảo đảm chặt chẽ, đề nghị đi đôi với phân cấp, phân quyền cần bổ sung các quy định: **(i)** Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn; **(ii)** Việc phân bổ cho dự án phải dựa trên nguyên tắc, tiêu chí rõ ràng, minh bạch, bảo đảm trọng tâm, trọng điểm, có tầm nhìn, tránh dàn trải, thất thoát, lãng phí.

Có ý kiến đề nghị quy định trước khi tăng chi đầu tư phát triển từ nguồn tăng thu NSĐP, Thành phố phải bảo đảm cân đối ngân sách, bố trí thực hiện chính sách tiền lương và thực hiện một số chính sách an sinh xã hội.

Một số ý kiến đề nghị quy định rõ: “*đối tượng đầu tư công khác*” quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 4 của Dự thảo Nghị quyết là đối tượng nào để bảo đảm tính minh bạch, cụ thể của chính sách.

¹⁰ Điều 4. Về quản lý đầu tư

1. Về phân bổ và bố trí vốn đầu tư công:

a) *Sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án trong tổng số vốn đầu tư công trung hạn ngân sách địa phương đã được Quốc hội quyết định, trường hợp Thành phố dự kiến có nguồn thu để bố trí tăng chi đầu tư phát triển, Hội đồng nhân dân Thành phố được phân bổ vốn cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đối tượng đầu tư công khác và bổ sung vào kế hoạch đầu tư công trung hạn số vốn tăng thêm.*

Việc bố trí phải phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của địa phương, bảo đảm không tăng mức bội chi của ngân sách địa phương hằng năm và không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản; Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo cấp có thẩm quyền vào năm cuối kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn.

- Về quy định bố trí vốn đầu tư công để hỗ trợ giảm nghèo, giải quyết việc làm: Ủy ban TCNS nhất trí về mặt chủ trương bố trí nguồn lực để hỗ trợ giảm nghèo, giải quyết việc làm quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Dự thảo Nghị quyết¹¹ vì: **(i)** Giảm nghèo bền vững là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, việc tăng cường nguồn lực thực hiện là cần thiết; **(ii)** Khoản 5 Điều 8 Luật NSNN quy định cần bảo đảm ưu tiên thực hiện các chính sách xóa đói, giảm nghèo; **(iii)** Hiện nay chưa đủ cơ sở pháp lý để HĐND Thành phố bố trí nguồn vốn đầu tư phát triển để thực hiện chính sách cho vay hỗ trợ giảm nghèo và giải quyết việc làm. Nếu được thực hiện quy định này thì sẽ có căn cứ vững chắc, rút ngắn quy trình thủ tục, đáp ứng nhu cầu vay vốn tín dụng ưu đãi của người nghèo và các đối tượng chính sách khác, thể hiện tính nhân văn trong chính sách phát triển Thành phố.

Để bảo đảm tính công khai, công bằng, minh bạch, hiệu quả, giảm thiểu rủi ro, nợ xấu, đề nghị bổ sung quy định về trách nhiệm của HĐND, các tổ chức cá nhân liên quan trong việc xác định tiêu chí, lựa chọn đối tượng.

b. Về thí điểm mô hình phát triển đô thị theo định hướng phát triển giao thông (khoản 2 Điều 4¹²)

Khoản 2 Điều 4 Dự thảo Nghị quyết quy định thí điểm mô hình phát triển đô thị theo định hướng phát triển giao thông (TOD-Transit Oriented Development) - là mô hình phát triển đô thị gắn kết với giao thông công cộng, đặc biệt phù hợp với những thành phố lớn như: Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội¹³...

Đa số ý kiến tán thành với việc áp dụng thí điểm mô hình trên, vì: **(i)** Đây là chủ trương, cách làm đúng đắn, tuân thủ Nghị quyết 31, theo đó đặt ra nhiệm vụ là phát triển: “*các khu đô thị mới, xung quanh các nhà ga Metro theo mô hình phát triển đô thị gắn kết với giao thông công cộng (TOD)*”. Đây cũng là bước đổi mới năng động, tiệm cận và vận dụng kinh nghiệm quốc tế trong phát triển đô thị gắn kết với giao thông công cộng. **(ii)** Chính sách này góp phần huy động nguồn lực đầu tư các dự án, tạo đồng bộ trong phát triển đô thị và giao thông. **(iii)** Làm tăng nguồn thu cho NSNN từ chênh lệch địa tô của các khu đất đem lại. **(iv)** Góp phần

¹¹ Điểm b khoản 1 Điều 4 quy định: “*Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định bố trí vốn đầu tư công để hỗ trợ giảm nghèo, giải quyết việc làm thông qua việc giao Ủy ban nhân dân Thành phố ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện cho vay hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, giải quyết việc làm. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định tiêu chí, điều kiện đối tượng cho vay từ ngân sách Thành phố.*”

¹² “2. Thí điểm mô hình phát triển đô thị theo định hướng phát triển giao thông:

a) Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định sử dụng ngân sách địa phương để triển khai dự án đầu tư công độc lập nhằm thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các dự án đầu tư theo đồ án thiết kế đô thị riêng, đồ án quy hoạch đô thị vùng phụ cận các nhà ga thuộc các tuyến đường sắt được cấp có thẩm quyền phê duyệt, vùng phụ cận các nút giao thông dọc tuyến đường Vành đai 3 thuộc địa phận Thành phố theo quy định của pháp luật về thu hồi đất, chỉnh trang, phát triển đô thị, thực hiện tái định cư tại chỗ, tạo quỹ đất để đầu tư lựa chọn nhà đầu tư các dự án phát triển đô thị theo quy định”.

¹³ Với mô hình này sẽ lấy định hướng phát triển hệ thống giao thông công cộng làm cơ sở quy hoạch phát triển đô thị, lấy đầu mối giao thông làm điểm tập trung dân cư để từ đó hình thành tiếp hệ thống giao thông phân tán. Ưu điểm phát triển đường sắt đô thị theo mô hình TOD là tối đa hóa giá trị tăng thêm từ đất nhằm bù đắp vốn đầu tư cho xây dựng hạ tầng giao thông; tối đa hóa lưu lượng hành khách sử dụng đường sắt đô thị, giải quyết ùn tắc giao thông. TOD còn làm gia tăng giá trị đất đai, không gian đô thị.

tháo gỡ khó khăn trong tạo quỹ đất sạch triển khai các dự án phát triển đô thị (cho phép tách công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành dự án độc lập trong khi Luật Đầu tư công chỉ cho phép tách với dự án nhóm A). (v) Quy định này đã cụ thể hóa được các trường hợp, điều kiện thu hồi đất vùng phụ cận và cơ bản thống nhất với điểm d khoản 1 Điều 108 Dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi)¹⁴.

Để bảo đảm chặt chẽ và bao quát, đề nghị bổ sung quy định: (i) Trách nhiệm trong tuân thủ quy hoạch; (ii) Nguyên tắc bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người dân trong bồi thường.

c. Về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất (khoản 3 và khoản 4 Điều 4)

Để có căn cứ pháp lý áp dụng đối với phần đất công nằm xen cài trong ranh giới khu đất chuẩn bị lựa chọn nhà đầu tư, tháo gỡ vướng mắc khi lựa chọn nhà đầu tư đối với các khu đất có mục đích hỗn hợp, cơ bản đồng ý nội dung này. Để bảo đảm lợi ích người có đất bị thu hồi, đề nghị trong tổ chức thực hiện cần chặt chẽ, công khai, minh bạch.

d. Về các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) (khoản 5 Điều 4)

Chính phủ đề xuất nhiều nội dung mới liên quan đến đầu tư các dự án theo phương thức đối tác công tư như: (i) Cho phép áp dụng đầu tư theo phương thức đối tác công tư đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực thể thao, văn hóa; (ii) Được áp dụng hợp đồng BOT đối với dự án nâng cấp, mở rộng, hiện đại hóa công trình đường bộ hiện hữu; (iii) Được thực hiện dự án đầu tư theo Hợp đồng BT.

Đa số ý kiến nhận thấy: mặc dù theo quy định tại Điều 4 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Luật PPP), các dự án đầu tư trong lĩnh vực thể thao, văn hóa không thuộc phạm vi của Luật, song để đáp ứng yêu cầu thực tế, để thực hiện chủ trương xã hội hóa thì có thể nhất trí với quy định cho phép áp dụng PPP đối với lĩnh vực này.

Một số ý kiến đề nghị cần nhắc không thực hiện PPP đối với các di tích, di sản văn hóa vì đây không phải là điểm nghẽn cần phải được tháo gỡ để mang tính lan tỏa. Hơn nữa đây là lĩnh vực thiêng liêng và có tính nhạy cảm; những công trình này cần được quản lý, gìn giữ gắn với trách nhiệm Nhà nước.

Một số ý kiến đề nghị áp dụng PPP đối với cả lĩnh vực giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ.

Đối với đề xuất áp dụng hợp đồng BOT đối với dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng, hiện đại hóa công trình đường bộ hiện hữu: Đa số ý kiến nhất trí với đề xuất của Chính phủ vì: (i) Xét về yêu cầu thực tiễn, cần thiết có cơ sở pháp

¹⁴ Điểm d khoản 1 Điều 108 Dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) quy định: “Nhà nước thu hồi đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện tạo quỹ đất để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện các dự án sau ... Dự án kết cấu hạ tầng vùng phụ cận các điểm kết nối giao thông và các tuyến giao thông có tiềm năng phát triển”.

lý để huy động thêm nguồn lực cải tạo, nâng cấp, mở rộng các công trình giao thông trên địa bàn Thành phố. **(ii)** Xét về căn cứ pháp lý, Luật PPP năm 2020 không quy định hạn chế, không bó hẹp các dự án BOT chỉ được áp dụng đối với tuyến đường mới và theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì phải áp dụng theo quy định của Luật PPP. **(iii)** Những vướng mắc phát sinh thời gian trước đây là do yếu kém trong tổ chức thực hiện, không do quy định pháp luật. Để bảo đảm chặt chẽ, đề nghị quy định: **(1)** Trách nhiệm lựa chọn những công trình thật sự phù hợp với tính chất BOT; **(2)** Cần đưa ra nguyên tắc bảo đảm quyền và lợi ích, không tạo gánh nặng thuế, phí cho người dân, không làm tăng chi phí vận chuyển hàng hóa; tránh xảy ra khiếu kiện.

Có ý kiến đề nghị cân nhắc tính hợp lý của quy định trên vì Nghị quyết số 437/NQ-UBTVQH14 ngày 21/10/2017 của UBTVQH đã quy định “...*Đối với các dự án đường bộ đầu tư theo hình thức Hợp đồng BOT chỉ áp dụng đối với các tuyến đường mới để bảo đảm quyền lựa chọn cho người dân, không đầu tư các dự án cải tạo, nâng cấp các tuyến đường độc đạo hiện hữu...*” là nhằm khắc phục tình trạng các địa phương trong cả nước thực hiện nhiều dự án BOT, trong đó có một số dự án BOT được thực hiện trên các tuyến đường độc đạo, hiện hữu do Nhà nước đầu tư, nay cải tạo sửa chữa và thực hiện thu phí, tạo gánh nặng về thuế, phí cho người dân và tăng chi phí vận chuyển hàng hóa.

Chính phủ đề xuất trong trường hợp chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng chiếm tỷ trọng lớn hơn 50% tổng mức đầu tư của dự án, HĐND Thành phố được quyết định tăng tỷ lệ vốn nhà nước tham gia dự án PPP không lớn hơn 70% tổng mức đầu tư của dự án.

Đa số ý kiến nhận thấy, khác với nhiều địa phương khác, trên địa bàn Thành phố nhiều trường hợp chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng chiếm tỷ trọng lớn hơn 50% trong tổng mức đầu tư của dự án và phương án tài chính sơ bộ của dự án PPP không đảm bảo khả năng hoàn vốn, do vậy việc thí điểm như đề xuất của Chính phủ sẽ góp phần tháo gỡ khó khăn cho Thành phố.

Có ý kiến đề nghị cân nhắc quy định này vì: Theo Điều 69 Luật PPP, tỷ lệ vốn nhà nước tham gia không quá 50% tổng mức đầu tư của dự án. Nếu cho phép tăng lên mức 70% NSNN thì chưa đúng bản chất của PPP.

Đối với đề xuất được thực hiện dự án đầu tư theo Hợp đồng BT, đa số ý kiến nhất trí với đề xuất của Chính phủ nhằm: (i) Đa dạng hóa hình thức đầu tư; (ii) tạo cơ sở pháp lý, huy động nguồn lực xã hội để thực hiện mục tiêu “đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại” theo Nghị quyết 31.

Có ý kiến đề nghị không quy định áp dụng loại hợp đồng BT vì: **(1)** Trong giai đoạn trước, việc triển khai một số dự án BT đã gây thất thoát cho NSNN, gây dư luận không tốt. **(2)** Trường hợp cần thiết, có thể đấu giá mặt bằng để lấy kinh phí thực hiện dự án đầu tư theo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

Có ý kiến đề nghị cân nhắc không quy định thực hiện dự án theo hình thức BT trả bằng tiền.

2.2. Về tài chính ngân sách (Điều 5)

a. Về bố trí khoản chưa phân bổ từ 2% đến 4% tổng chi ngân sách quận để thực hiện chi phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh... và do Chủ tịch UBND quận quyết định sử dụng (khoản 6 Điều 5)

Đa số ý kiến cho rằng: **(i)** Trước khi Nghị quyết số 131/2020/QH14 có hiệu lực, theo Luật NSNN thì ngân sách cấp quận là một cấp ngân sách và được bố trí dự phòng. Tuy nhiên, việc thí điểm ngân sách cấp quận là đơn vị dự toán ngân sách đã bộc lộ bất cập khi không có nguồn lực để xử lý những vấn đề phát sinh chưa được dự toán; **(ii)** Khoản dự toán kinh phí 2% - 4% nêu trên phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách Thành phố; **(iii)** Việc giao Chủ tịch UBND quận quyết định phù hợp Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Do vậy, nhất trí với Dự thảo Nghị quyết. Tuy nhiên, đề nghị bổ sung quy định về trách nhiệm trong việc quyết định sử dụng và sử dụng hiệu quả nguồn trên, bảo đảm không thất thoát, lãng phí.

Có ý kiến đề nghị cân nhắc nội dung này vì nếu quy định như Dự thảo thì UBND quận có thể hiểu là một cấp ngân sách, không còn là đơn vị dự toán ngân sách dẫn đến phá vỡ nguyên tắc trong tổ chức mô hình chính quyền địa phương. Trường hợp có vướng mắc, đề nghị rút ngắn quy trình, trình Thường trực HĐND Thành phố kịp thời xem xét, quyết định.

b. Về công ty đầu tư tài chính nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (HFIC) (khoản 8 Điều 5¹⁵)

Chính phủ đề xuất: **(1)** Bố trí nguồn thu từ cổ phần hóa; **(2)** Để lại lợi nhuận; **(3)** Bố trí vốn từ ngân sách Thành phố để hỗ trợ lãi suất cho các dự án được HFIC cho vay.

Đa số ý kiến cho rằng, HFIC vừa thực hiện nhiệm vụ của Quỹ đầu tư phát triển, vừa thực hiện nhiệm vụ của Công ty tài chính, do đó, việc phát triển mô hình công ty đầu tư tài chính nhà nước theo mô hình Quỹ đầu tư phát triển địa phương là hợp lý, phù hợp với thực tiễn trong nước và kinh nghiệm trên thế giới. Vì vậy, nhất trí với chủ trương cần có quy định để phát triển HFIC thành công ty tài chính lớn mạnh của Thành phố.

Một số ý kiến đề nghị làm rõ: **(i)** Hiệu quả hoạt động trên thực tế, kết quả mang lại thời gian qua của; **(ii)** Trách nhiệm trong việc bảo toàn, phát triển vốn của HFIC. Trên cơ sở đó Quốc hội mới có căn cứ quyết định các đề xuất Chính phủ trình.

¹⁵ Khoản 8 Điều 5 Dự thảo Nghị quyết quy định: các cơ chế, chính sách để tăng vốn điều lệ cho công ty đầu tư tài chính nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (HFIC) từ nguồn thu từ cổ phần hóa các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Thành phố, từ nguồn lợi nhuận còn lại của HFIC sau khi trích lập các quỹ theo quy định. HĐND Thành phố được bố trí vốn đầu tư công từ ngân sách Thành phố để hỗ trợ lãi suất đối với các dự án đầu tư được HFIC cho vay thuộc lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố.

(1) Về bố trí nguồn thu từ cổ phần hóa các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Thành phố để tăng vốn điều lệ cho HFIC (điểm a khoản 8 Điều 5)¹⁶

Đa số ý kiến nhất trí với Dự thảo Nghị quyết vì: **(i)** khoản thu từ cổ phần hóa các doanh nghiệp 100% vốn ngân sách Thành phố thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố; **(ii)** Hiện nay xét về cơ chế, Thành phố đang vướng vì không được bổ sung vốn điều lệ do vượt quá mức vốn tối thiểu được cấp. Để bảo đảm chặt chẽ, đề nghị bổ sung quy định về trách nhiệm trong bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn.

(2) Về để lại lợi nhuận

Điểm b khoản 8 Điều 5 Dự thảo Nghị quyết quy định: “*Lợi nhuận còn lại của HFIC sau khi trích lập các quỹ theo quy định được giữ lại bổ sung vào Quỹ Đầu tư phát triển của HFIC để bổ sung vốn điều lệ*”.

Đa số ý kiến nhất trí với quy định tại Dự thảo Nghị quyết vì: **(i)** đây không phải là chính sách mới vì HFIC vốn đã là Quỹ đầu tư của Thành phố nhưng mới chuyển sang mô hình công ty và theo quy định thì Quỹ đầu tư được để lại chênh lệch thu chi để tăng vốn điều lệ; **(ii)** rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục tăng vốn điều lệ cho HFIC.

Có ý kiến đề nghị không quy định nội dung này vì: **(i)** Việc giữ lại để bổ sung vốn điều lệ, không nộp NSNN sẽ khó trong công tác kiểm tra, giám sát, không bảo đảm minh bạch; **(ii)** Trường hợp cần tăng vốn điều lệ, đề nghị vẫn nộp vào NSNN, sau đó thực hiện bổ sung vốn điều lệ như một khoản bố trí vốn đầu tư công.

c. Về thu tiền duy tu (khoản 9 Điều 5¹⁷)

Đa số ý kiến nhất trí với Dự thảo Nghị quyết vì: **(i)** Thực chất chính sách thu tiền duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp, khu chế xuất đã được áp dụng tại Thành phố gần 25 năm qua (theo Quyết định số 45/1999/TC-QĐ ngày 6/5/1999 của Bộ Tài chính); **(ii)** Đây là khoản tiền do các doanh nghiệp thuê đất tại khu công nghiệp đóng góp, tạo lập nguồn tài chính dự phòng nhằm bảo dưỡng cơ sở hạ tầng phục vụ nhu cầu hoạt động cho chính doanh nghiệp; **(iii)** Toàn bộ nguồn thu được đưa vào tài khoản ngân hàng riêng, theo dõi và hạch toán riêng. **(iv)** Cần quy định tại Dự thảo Nghị quyết để bảo đảm cơ sở pháp lý vững chắc cho việc thực hiện. Để bảo đảm chặt chẽ, hợp lý, đề nghị: **(1)** Việc ấn định mức thu phải hợp lý, bảo đảm không làm tăng chi phí lớn đối với doanh nghiệp, tránh trùng lặp giữa thu tiền duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất với các loại phí, lệ phí khi Thành phố ban hành phí, lệ phí mới; **(2)** Việc quản lý,

¹⁶ Điểm a khoản 8 Điều 5 quy định: “*Hội đồng nhân dân Thành phố được bố trí nguồn thu từ cổ phần hóa các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Thành phố để tăng vốn điều lệ cho HFIC*”.

¹⁷ Khoản 9 Điều 5 quy định: “*Thành phố được thu tiền duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất từ các doanh nghiệp trong khu nhằm nâng cao tiện ích cho doanh nghiệp và người lao động; khoản tiền duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng và là chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp nộp.*”

sử dụng, hạch toán, thanh quyết toán phải bảo đảm đúng mục đích, công khai, minh bạch, hiệu quả.

d. Về thí điểm cơ chế tài chính thực hiện biện pháp giảm phát thải khí nhà kính theo các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon (khoản 10 Điều 5¹⁸)

Đa số ý kiến nhất trí với quy định tại Dự thảo Nghị quyết vì: (i) quy định này phù hợp với chủ trương chung của Nhà nước về bảo vệ môi trường; (ii) góp phần thay đổi hành vi của người dân trong bảo vệ môi trường; (iii) góp phần tăng nguồn lực cho công tác bảo vệ môi trường.

Một số ý kiến đề nghị cân nhắc tính sát thực vì cho dù có quy định thì trong thời gian thí điểm cũng chưa thể triển khai do hiện nay, thị trường trao đổi tín chỉ các-bon tại Việt Nam chưa được hình thành và dự kiến thực hiện vào năm 2028.

đ. Về sử dụng mái nhà các trụ sở là tài sản công để đặt hệ thống điện mặt trời (khoản 11 Điều 5)

Đa số ý kiến nhất trí về chủ trương, nhằm tiết kiệm điện năng, góp phần phát triển xanh. Thành phố có lợi thế là có lượng bức xạ lớn; số giờ nắng trung bình trong tháng dao động từ 100 đến 300 giờ, do đó, có tiềm năng ứng dụng. Để bảo đảm căn cứ triển khai thực hiện, đề nghị: **(i)** làm rõ nguồn lực thực hiện việc chuyển đổi; **(ii)** cần có giải pháp xử lý kỹ thuật, tránh quá tải, mất an toàn vận hành lưới điện; **(iii)** bảo đảm không gây hậu quả cho môi trường (pin thải).

Có ý kiến đề nghị cân nhắc quy định này vì việc đấu nối điện liên quan đến quy hoạch điện quốc gia.

2.3. Về quản lý đô thị và tài nguyên môi trường (Điều 6)

a. Điểm c khoản 3 Điều 6 Dự thảo Nghị quyết quy định chính sách thí điểm giao Thành phố quyết định linh hoạt trong việc quy hoạch bố trí nhà ở xã hội phù hợp thực tiễn, theo đó UBND Thành phố không nhất thiết phải dành 20% tổng diện tích đất đầu tư xây dựng nhà ở thương mại dành để xây dựng nhà ở xã hội theo quy định của pháp luật hiện hành.

Đa số ý kiến nhận thấy, trong nhiều trường hợp, pháp luật hiện hành chưa phù hợp thực tiễn, nhất là những dự án có quy mô nhỏ hoặc các dự án nằm trong khu đất có giá trị thương mại lớn; gây khó khăn cho người thuộc đối tượng ở nhà ở xã hội khi phải trả các chi phí dịch vụ cao cấp. Để tạo chủ động cho Thành phố, tán thành thí điểm giao Thành phố linh hoạt trong việc quy hoạch bố trí nhà ở xã hội phù hợp thực tiễn của các dự án, song đề nghị bổ sung quy định rõ ràng trách nhiệm chính quyền, nghĩa vụ của các chủ đầu tư nhà ở thương mại trong việc xây dựng nhà ở xã hội, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người dân.

¹⁸ Khoản 10 Điều 5 quy định: “Nguồn thu từ giao dịch tín chỉ các-bon là nguồn thu ngân sách Thành phố hưởng 100%. Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định sử dụng nguồn thu từ giao dịch tín chỉ các-bon cho các chương trình, dự án ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn trên địa bàn Thành phố.”

Có ý kiến đề nghị không quy định nội dung này tại Dự thảo Nghị quyết và thực hiện theo quy định pháp luật liên quan.

b. Về điều kiện chung cấp giấy phép xây dựng có thời hạn các công trình công cộng (nhà, sân bãi để xe; nhà vệ sinh công cộng) trên đất do nhà nước quản lý (khoản 10 Điều 6)

Đa số ý kiến cho rằng, nhằm giải quyết nhu cầu thực tiễn, góp phần chỉnh trang đô thị, tạo động lực để thu hút đầu tư, khách du lịch, việc xây dựng các công trình công cộng là hết sức cần thiết và Nghị quyết 31 cũng đã yêu cầu “*coi trọng chỉnh trang không gian*” trong phát triển Thành phố. Do vậy, nhất trí với quy định như Dự thảo Nghị quyết để bảo đảm cơ sở pháp lý trong triển khai thực hiện.

Có ý kiến đề nghị thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý tài sản công và không quy định tại Dự thảo Nghị quyết.

c. Về chuyển xử lý chất thải rắn sinh hoạt sang xử lý chất thải rắn sinh hoạt có thu hồi năng lượng (khoản 11 Điều 6)

Đa số ý kiến cho rằng: (i) hiện nay việc xử lý chất thải rắn sử dụng rất nhiều diện tích đất và gây ô nhiễm môi trường xung quanh; (ii) việc chuyển xử lý chất thải rắn sang đốt điện là chủ trương của Nhà nước nhằm góp phần bảo vệ môi trường; (iii) phù hợp với tinh thần Nghị quyết 31; (iv) quy định hiện hành chưa thực sự khuyến khích nhà đầu tư và cần có cơ chế khuyến khích nhà đầu tư tăng cường đầu tư vào lĩnh vực này. Do vậy, tán thành với Dự thảo Nghị quyết.

Có ý kiến đề nghị thực hiện đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường, theo đó, việc xử lý chất thải rắn cần thực hiện đấu thầu, trường hợp không đấu thầu được mới thực hiện đặt hàng.

d. Về kiểm soát khí thải phương tiện giao thông (khoản 13 Điều 6)

Đa số ý kiến trong Ủy ban TCNS nhất trí về chủ trương và sự cần thiết ban hành chính sách khuyến khích, hỗ trợ, ưu đãi và lộ trình thực hiện đối với các cá nhân, hộ gia đình, hợp tác xã, doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi phương tiện giao thông từ sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang sử dụng năng lượng sạch vì: (i) Cần tạo cơ sở pháp lý thực hiện mục tiêu phát triển xanh theo tinh thần Nghị quyết 31. Hiện chưa có văn bản quy phạm pháp luật đối với công tác kiểm tra khí thải như: quy định về xử phạt vi phạm hành chính đối với người điều khiển xe máy tham gia giao thông đường bộ không thực hiện kiểm định, xe không đảm bảo tiêu chuẩn khí thải; (ii) Việc áp dụng cơ chế trên phù hợp với tình hình hiện nay khi vấn đề môi trường thật sự cấp bách, cần có quyết tâm ở các cấp, các ngành. Tuy nhiên, đề nghị làm rõ kết quả dự kiến; việc ban hành tiêu chí cần phù hợp, khả thi, bảo đảm đồng thuận từ người dân. Ngoài ra, mục đích chính là giảm thiểu ô nhiễm, còn việc “*hạn chế ùn tắc giao thông*” thì cần giải pháp tổng thể hơn.

Có ý kiến cho rằng, khoản 10 Điều 49 Dự thảo Luật Đường bộ đang được Quốc hội xem xét, quyết định đã quy định “*Xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao*

thông phải được kiểm tra định kỳ về phát thải khí thải theo lộ trình thực hiện và mức tiêu chuẩn khí thải do Thủ tướng Chính phủ quy định”. Do vậy, đề nghị không quy định tại Dự thảo Nghị quyết và thực hiện theo quy định chung.

2.4. Về quản lý khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo (Điều 8)

Về hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong các lĩnh vực ưu tiên của Thành phố (khoản 1 Điều 8)

Ủy ban TCNS cho rằng, việc thu hút doanh nghiệp, chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ cao là đúng với tinh thần Nghị quyết 31, góp phần thu hút, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, chuyển đổi sang nền kinh tế dựa trên công nghệ cao. Do đó tán thành về chủ trương, song để có căn cứ xem xét, quyết định chính sách miễn, giảm thuế đề nghị đánh giá tác động cụ thể hơn để một mặt thu hút nguồn lực, song không tác động tiêu cực đến NSNN.

Đối với ưu đãi về thuế thu nhập cá nhân (điểm c khoản 1 Điều 8), Ủy ban TCNS cho rằng, để thực hiện định hướng của Bộ Chính trị tại Nghị quyết 31 thì ưu đãi đối với chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt là cần thiết. Để tránh khác biệt quá lớn, không công bằng giữa các địa phương và giữa các đối tượng trên cùng địa bàn Thành phố, đề nghị cân nhắc ưu đãi ở mức độ hợp lý.

Đối với quy định HĐND Thành phố quyết định các lĩnh vực ưu tiên; tiêu chí, điều kiện, nội dung hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; tiêu chí, lĩnh vực thử nghiệm giải pháp công nghệ mới và nội dung hỗ trợ đối với tổ chức, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo (điểm e khoản 1 Điều 8), đa số ý kiến cho rằng, để phù hợp với tình hình thực tế, việc giao HĐND Thành phố quy định, quyết định là hợp lý.

2.5. Về tổ chức bộ máy của Thành phố (Điều 9)

a. Về quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm (khoản 1 Điều 9)

Dự thảo quy định việc thành lập Sở An toàn thực phẩm, đa số ý kiến cho rằng, cần thuyết minh về sự cần thiết và tính hợp lý, cần bảo đảm không chồng chéo chức năng, nhiệm vụ giữa các Sở. Ngoài ra, theo Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII thì: “*Việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy không được tăng thêm đầu mối và biên chế; trường hợp đặc biệt cần tăng thêm đầu mối từ cấp vụ, cục hoặc tương đương trở lên phải có ý kiến của Bộ Chính trị*”. Do đó, nếu việc thành lập Sở An toàn thực phẩm làm tăng đầu mối thì phải có ý kiến của Bộ Chính trị.

Có ý kiến cho rằng, căn cứ thành lập là chưa thuyết phục, đồng thời chưa phù hợp với yêu cầu cải cách bộ máy nhà nước theo hướng tinh giản.

b. Về số lượng Phó Chủ tịch UBND huyện, phường, xã, thị trấn (khoản 2 Điều 9)

Dự thảo Nghị quyết quy định: “*Ủy ban nhân dân huyện thuộc Thành phố Hồ*

Chí Minh có không quá ba Phó Chủ tịch. Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn có từ 50.000 người trở lên có không quá ba Phó Chủ tịch”.

Đa số ý kiến cho rằng, Thành phố có đặc thù riêng, mật độ dân số cao. Do vậy, để tăng cường hiệu quả quản lý thì việc tăng số lượng cấp phó là cần thiết, phù hợp với tình hình thực tế để giải quyết những khó khăn hiện nay do thiếu lãnh đạo quản lý.

Có ý kiến đề nghị cần nhắc vì chưa phù hợp với Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đó là giảm số lượng cấp phó.

c. Về bầu, tuyển dụng, quản lý, sử dụng cán bộ, công chức làm việc tại xã, thị trấn và cán bộ phường (khoản 3 Điều 9)

Đa số ý kiến cho rằng, để có cơ sở pháp lý, tạo sự thống nhất, liên thông trong cơ chế bầu, tuyển dụng, quản lý, sử dụng cán bộ, công chức làm việc tại xã, thị trấn và cán bộ phường, việc tuyển dụng cán bộ cơ sở thì quy định như Dự thảo Nghị quyết là cần thiết.

Có ý kiến đề nghị không quy định nội dung này tại Dự thảo Nghị quyết vì thuộc thẩm quyền của Chính phủ.

d. Về ủy quyền của Chủ tịch UBND Thành phố (khoản 4 Điều 9)

Ủy ban TCNS nhất trí với quy định tại Nghị quyết vì: (i) theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Chủ tịch UBND có thể ủy quyền cho Phó Chủ tịch UBND cùng cấp, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND cùng cấp, Chủ tịch UBND cấp dưới trực tiếp; (ii) quy định như Dự thảo Nghị quyết nhằm giải quyết thực tiễn tại Thành phố.

đ. Về thẩm quyền của HĐND Thành phố (khoản 5 Điều 9)

- *Về quyết định cơ cấu, số lượng cán bộ, công chức tại các phường, xã, thị trấn và quyết định số lượng, chức danh, chế độ chính sách của người hoạt động không chuyên trách tại các phường, xã, thị trấn (điểm a):* Nhất trí với quy định cho phép HĐND Thành phố quyết định cơ cấu, số lượng cán bộ, công chức tại các phường, xã, thị trấn vì nội dung này phù hợp với Nghị quyết số 75/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội¹⁹ và đề nghị việc tổ chức thực hiện cần bảo đảm phù hợp với chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế.

- *Về chi thu nhập tăng thêm (điểm b, điểm c):* Đa số ý kiến nhất trí với quy

¹⁹ Nghị quyết số 75/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội¹⁹ yêu cầu: “Sớm sửa đổi, bổ sung các quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố bảo đảm đồng bộ, thống nhất, hợp lý và hiệu quả; trong đó, nghiên cứu cơ chế khoán biên chế để bảo đảm linh hoạt, nhất là các địa phương có đông dân cư... Thực hiện phân cấp cho chính quyền địa phương cấp tỉnh, cấp huyện quyết định số lượng cụ thể cán bộ, công chức tại từng đơn vị hành chính cấp xã, bảo đảm không vượt quá số lượng tổng biên chế được giao; phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định cụ thể số lượng và chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.”.

định như Dự thảo Nghị quyết về chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách phường, xã, thị trấn, người lao động thuộc khu vực quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập, một số hội có tính chất đặc thù và một số cơ quan trung ương trên địa bàn Thành phố với mức **không quá 1,8 lần mức lương ngạch bậc, chức vụ** vì: (i) Quy định này là kế thừa quy định tại Nghị quyết 54, đã được Quốc hội cho phép tiếp tục thực hiện tại Nghị quyết 76; (ii) Phù hợp với tinh thần Nghị quyết 31, đó là: “*có cơ chế, chính sách vượt trội thu hút nhân tài, chuyên gia, nhà khoa học*”; (iii) Không trái với quy định tại Nghị quyết 27 là “*Mở rộng áp dụng cơ chế thí điểm đối với một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã tự cân đối ngân sách và bảo đảm đủ nguồn thực hiện cải cách tiền lương, các chính sách an sinh xã hội được chi thu nhập bình quân tăng thêm **không quá 0,8 lần quỹ lương cơ bản** của cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý*”. Do vậy, cơ bản tán thành với Dự thảo, song để không tạo khác biệt quá lớn giữa cùng đối tượng tại địa bàn khác nhau, đề nghị cân nhắc mức độ ưu đãi.

Có ý kiến đề nghị chỉ quy định ở mức không quá 0,8 lần mức lương ngạch bậc, chức vụ.

e. Về thẩm quyền của UBND Thành phố (khoản 6 Điều 9)

- *Về quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND Thành phố*: Theo Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, việc quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND Thành phố thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ. Để thực hiện chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phù hợp với tình hình thực tiễn của Thành phố, quy định như Dự thảo là hợp lý. Do đó, nhất trí với quy định tại Dự thảo Nghị quyết.

- *Về quyết định chuyển một số chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND Thành phố cho các cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác thuộc UBND Thành phố, UBND quận, huyện và thành phố Thủ Đức*

Theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, việc quy định chức năng, nhiệm vụ cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, UBND huyện, quận, thị xã, Thành phố thuộc tỉnh, Thành phố thuộc Thành phố trực thuộc trung ương thuộc thẩm quyền của Chính phủ.

Đa số ý kiến cho rằng, tương tự như trên, để thực hiện chủ trương đẩy mạnh phân cấp cho Thành phố, phù hợp với tình hình thực tiễn của Thành phố, quy định như Dự thảo Nghị quyết là hợp lý. Do đó, nhất trí với quy định tại Dự thảo Nghị quyết.

Có ý kiến cho rằng, đây là thẩm quyền của Chính phủ nên đề nghị không quy định tại Dự thảo Nghị quyết.

2.6. Về tổ chức bộ máy thành phố Thủ Đức (Điều 10)

a. Về quyền hạn của UBND thành phố Thủ Đức (khoản 1 Điều 10)

Ủy ban TCNS cho rằng, quy định tại khoản 1 Điều 10 Dự thảo Nghị quyết nhằm làm rõ phạm vi quyền hạn của UBND thành phố Thủ Đức, tránh lúng túng trong triển khai thực hiện vì quy định chưa rõ ràng. Do vậy, nhất trí với như quy định tại Dự thảo Nghị quyết.

b. Về quyết định sắp xếp, bố trí cơ cấu tổ chức bộ máy, số lượng biên chế của thành phố Thủ Đức (khoản 3 Điều 10)

Đa số ý kiến tán thành với đề xuất này vì: **(i)** phù hợp với quy định tại Nghị quyết 31, đó là: “*cho phép Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định việc giao một số nhiệm vụ theo quy định pháp luật, thuộc chức năng của các sở, ngành chuyên môn cho Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức trong phạm vi địa bàn thành phố Thủ Đức; quyết định tổ chức bộ máy trực thuộc thành phố Thủ Đức, vị trí việc làm, cơ cấu số lượng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách tại các phường, xã, thị trấn dựa trên hoạt động kinh tế, quy mô dân số và đặc điểm địa bàn*”; **(ii)** bảo đảm cơ sở pháp lý để thực hiện phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương; **(iii)** thực hiện chủ trương đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền cho chính quyền cấp dưới.

c. Về cơ cấu tổ chức bộ máy, số lượng biên chế của HĐND và UBND thành phố Thủ Đức (khoản 4 Điều 10)

Đa số ý kiến nhất trí với Dự thảo Nghị quyết về nội dung “*Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức quyết định thành lập Ban đô thị thuộc Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức*” vì phù hợp với tinh thần Nghị quyết 31. Đối với quy định “*Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức có không quá 04 Phó Chủ tịch*”, có ý kiến đề nghị thực hiện đúng tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, theo đó UBND cấp quận không quá 03 Phó Chủ tịch.

2.7. Về áp dụng pháp luật

Khoản 2 Điều 11 Dự thảo Nghị quyết quy định: “*Sau khi Nghị quyết này hết hiệu lực, các chương trình, dự án và các đối tượng khác được cơ quan có thẩm quyền quyết định thực hiện theo các cơ chế, chính sách được quy định tại Điều 4 Nghị quyết này chưa kết thúc thì được tiếp tục triển khai theo các quyết định đã ban hành; trường hợp văn bản quy phạm pháp luật khác có quy định thuận lợi hơn so với nội dung tại quyết định đã ban hành thì việc áp dụng do Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định.*”.

Đa số ý kiến đề nghị: (1) Làm rõ nội hàm của quy định trên để bảo đảm tính rõ ràng, minh bạch, tạo cơ sở để Quốc hội xem xét, quyết định; (2) bảo đảm nguyên tắc tuân thủ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp và điều kiện được phép chuyển tiếp.

Có ý kiến nhất trí với quy định như Dự thảo Nghị quyết nhằm tạo cơ sở pháp lý thực hiện sau khi kết thúc thí điểm và quy định này cũng tương tự như một số địa phương đã được Quốc hội cho phép thí điểm cơ chế đặc thù.

2.8. Về điều khoản thi hành

Khoản 1 Điều 12 của Dự thảo quy định: “*Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2023*”.

Ủy ban TCNS đề nghị cân nhắc lại quy định trên vì: Thứ nhất, Điều 151 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: “*Thời điểm có hiệu lực của toàn bộ hoặc một phần văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại văn bản đó nhưng không sớm hơn 45 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành*”. Trong khi đó, theo Dự kiến Chương trình kỳ họp, nếu được Quốc hội cho phép, sẽ thông qua vào cuối tháng 6/2023. Như vậy, sẽ không bảo đảm tuân thủ Điều 151 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Thứ 2, nhiều nội dung cần hướng dẫn thi hành đến nay chưa hoàn tất. Vì vậy, đề nghị quy định theo hướng tuân thủ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và bảo đảm khả thi trong tổ chức thực hiện.

Trên đây là Báo cáo thẩm tra của Ủy ban TCNS về Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh. Xin kính trình Quốc hội xem xét, quyết định.

Ủy ban TCNS xin trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT UBTCNS;
- Lưu: HC, TCNS;
- E-pas:108936.

TM. ỦY BAN TÀI CHÍNH, NGÂN SÁCH
KT. CHỦ NHIỆM
PHÓ CHỦ NHIỆM

(Đã ký)

Vũ Thị Lưu Mai